

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VIỆN NGHIÊN CỨU GIÁO DỤC

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU VÀ HỢP TÁC GIÁO DỤC QUỐC TẾ



THÔNG TIN GIÁO DỤC QUỐC TẾ

07/2014 – | LƯU HÀNH NỘI BỘ

NỘI DUNG

3

Đầu tư vào khoa học thứ phẩm – Các dự án không rõ ràng của các cơ quan chính phủ

Henry I. Miller (ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang dịch)

7

Chương trình giáo dục trong thế kỷ XXI

David Smith (ThS. Huỳnh Xuân Nhựt dịch)

Ban biên tập:

1. PGS.TS. Ngô Minh Oanh

oanhngominh@ier.edu.vn

2. TS. Nguyễn Kim Dung

kimnguyen@ier.edu.vn

3. ThS. Nguyễn Ngọc Tài

ngoctai@ier.edu.vn

4. ThS. Huỳnh Xuân Nhựt

nhuthuynh@ier.edu.vn

Thư ký:

Nguyễn Hoàng Thiện

hoangthien@ier.edu.vn

ĐẦU TƯ VÀO KHOA HỌC THỨ PHẨM – CÁC DỰ ÁN KHÔNG RÕ RÀNG CỦA CÁC CƠ QUAN CHÍNH PHỦ

Henry I. Miller

ThS. Lê Tấn Huỳnh Cẩm Giang dịch (tiếp theo)

Henry I. Miller là thành viên khoa chính sách công tại Viện Hoover của Đại học Stanford, ông là một nhà cố vấn chính sách kỳ cựu của Hoa Kỳ. Là một bác sỹ và là một nhà nghiên cứu sinh học phân tử, ông là Giám đốc sáng lập của Văn phòng Công nghệ Sinh học tại FDA (U.S. Food and Drug Administration).

TRUNG TÂM QUỐC GIA VỀ Y HỌC BỔ SUNG VÀ THAY THẾ (NATIONAL CENTER FOR COMPLEMENTARY AND ALTERNATIVE MEDICINE, NCCAM)

Khi nói đến sự lãng phí và lạm dụng trắng trợn nguồn quỹ liên bang, NSF, tất nhiên, không phải là thủ phạm duy nhất. Sự suy giảm về hiệu quả của đánh giá ở cơ sở đã làm nảy sinh các vấn đề tại Trung tâm Quốc gia về Y học Bổ sung và Thay thế (NCCAM) tại Viện Y tế Quốc gia (National Institutes of Health, NIH). Nhiệm vụ của trung tâm là “để xác định, thông qua nghiên cứu khoa học chính xác, tính hữu ích và an toàn của các can thiệp y học bổ sung và thay thế và vai trò của các can thiệp này trong việc cải thiện sức khỏe và chăm sóc sức khỏe “. Vấn đề là nhiều trong số các dự án của trung tâm này là tầm thường và gần như tất cả các can thiệp thử nghiệm đã được chứng minh là không có giá trị. Ví dụ, một nghiên cứu gần đây được tài trợ bởi trung tâm đã phát hiện rằng cocktail nước ép quả nam việt quất không tốt hơn giả dược trong việc ngăn ngừa nhiễm trùng đường tiết niệu

tái diễn. Các nghiên cứu khác do trung tâm tài trợ bao gồm “Các ảnh hưởng chuyển hóa và miễn dịch của Thiền”, “Liệu pháp dùng trà thảo mộc dài hạn đối với chứng rối loạn lo âu tổng quát”, “Liệu pháp yoga hồi phục sức khỏe đối với hội chứng tiêu hóa”. Nghe có vẻ hoang đường như các quảng cáo trên truyền hình về dầu rắn và các thứ linh tinh khác.

Có lẽ tồi tệ nhất trong tất cả là hơn 60 triệu đô la nghiên cứu đa trung tâm, Thử nghiệm Đánh giá Liệu pháp Thải (Trial to Assess Chelation Therapy, TACT), được tiến hành dưới sự bảo trợ của NCCAM và Viện Quốc gia về Tim, Phổi và Máu (National Heart, Lung and Blood Institute), để khảo sát về các tác động của EDTA (một chất hóa học có liên quan tới, hoặc nối kết, với các nguyên tử để chúng có thể được loại bỏ khỏi hệ thống) trong bệnh động mạch vành (CAD). Xác suất nghiên cứu này sẽ mang lại kết quả tích cực tiệm cận với số không. Có lẽ vì thử nghiệm này đã được “đặt hàng” bởi hai thành viên quyền lực của Quốc hội, NIH đã theo đuổi dự án bất chấp thực tế là liệu pháp thải đã mất tín nhiệm bởi

bốn thử nghiệm đối chứng được thực hiện trong những năm 1990. Thậm chí NIH thừa nhận rằng “có một sự thiếu vắng các nghiên cứu tiên khởi tương xứng để xác minh tính an toàn của liệu pháp thải EDTA và hiệu quả cho bệnh động mạch vành. Phần lớn các bằng chứng ủng hộ việc sử dụng liệu pháp thải EDTA là dưới hình thức các báo cáo trường hợp và loạt trường hợp”. Các quan chức NIH nên biết câu nói xưa cũ các nhà khoa học y khoa “số nhiều của giai thoại không phải là dữ liệu”.

Các loại “nghiên cứu” được tài trợ bởi NCCAM, lên đến 130 triệu đô la hàng năm, là một sự sỉ nhục đối với NIH và các nhà nghiên cứu được NIH tài trợ, những người đang ở giai đoạn đỉnh cao trong các chuyên ngành của họ và là những người đang phải đối mặt với khó khăn ngày càng tăng để nhận được tài trợ của liên bang ngay cả đối với các nghiên cứu được xếp hạng cao xét về giá trị khoa học. Trong năm 2011, tỷ lệ đề nghị tài trợ nghiên cứu được tài trợ bởi NIH giảm xuống mười tám phần trăm, một mức thấp kỷ lục. Sự phung phí các nguồn quỹ nghiên cứu đặc biệt là không công bằng đối với các nhà khoa học có ít kinh nghiệm, những người không có nhiều thành tích. Bruce Alberts, biên tập viên của tạp chí Science và cựu chủ tịch của Viện hàn lâm Khoa học, đã viết trong một bài xã luận tháng 11 năm 2011, “Có một cảm giác đáng ngại về một cuộc khủng hoảng nghiêm trọng đang sắp xảy ra. Thực tế ngân sách đã bắt đầu hạn chế tiến bộ khoa học trên diện rộng, với một tác động đặc biệt nghiêm trọng lên sự nghiệp của các nhà khoa học trẻ”.

VIỆN THỰC PHẨM VÀ NÔNG NGHIỆP (NATIONAL INSTITUTE OF FOOD AND AGRICULTURE)

Ngoài ra một nghiên cứu liên bang vô ích và lãng phí khác là một chương trình 4 triệu đô la hàng năm của USDA để đánh giá rủi ro về “sinh vật biến đổi gen” được thực hiện bởi Viện Thực phẩm và Nông nghiệp. Được hỗ trợ bởi vô số các phân tích của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia, Viện Hàn lâm Khoa học Quốc gia, các học giả và những người khác, USDA đã có một phần tư thế kỷ để tìm ra rằng “các sinh vật biến đổi gen” không đại diện cho một thể loại tuân theo phân tích rủi ro một cách có ý nghĩa (hoặc xứng đáng phân biệt đối xử, giám sát quản lý, nhưng đó lại là một câu chuyện khác).

Dưới đây là một số kết luận của các phân tích có tính chất bước ngoặt năm 1989 của Hội đồng Nghiên cứu Quốc gia Hoa Kỳ:

- “Các định luật vật lý và sinh học cùng chi phối phản ứng của sinh vật bị biến đổi bằng các phương pháp phân tử và tế bào hiện đại và chúng được tạo ra bằng các phương pháp cổ điển”.
- “Phương pháp tái tổ hợp DNA làm cho có thể giới thiệu các mẫu của DNA, có thể có một hoặc nhiều gen, có thể được xác định chức năng và thậm chí cả trong trình tự nucleotide. Với các kỹ thuật cổ điển của chuyển gen, một số đột biến của gen có thể được chuyển giao, số lượng tùy thuộc vào cơ chế chuyển giao; nhưng dự đoán số lượng chính xác hoặc những đặc điểm đã được chuyển giao là khó khăn, và chúng ta có thể

không luôn luôn dự đoán được kết quả biểu hiện kiểu hình. Với sinh vật bị biến đổi bằng các phương pháp phân tử, chúng ta đang ở trong một tình thế tốt hơn, nếu không hoàn hảo, có nhiều khả năng để dự đoán biểu hiện kiểu hình”.

- “Không tồn tại sự phân biệt về khái niệm giữa biến đổi gen thực vật và vi sinh vật bằng các phương pháp cổ điển hoặc bằng các kỹ thuật phân tử làm thay đổi DNA và chuyển giao gen”.
- “Cây trồng bị biến đổi bằng các phương pháp phân tử và tế bào nên được đặt ra những vấn đề rủi ro không khác biệt với những thay đổi theo phương pháp di truyền cổ điển cho những đặc điểm tương tự. Vì các phương pháp phân tử đặc trưng hơn, những người sử dụng các phương pháp này sẽ chắc chắn hiểu rõ hơn về những đặc điểm họ đưa vào cây trồng”.

Người ta có thể nghĩ rằng các thành viên của Quốc hội và các quan chức USDA thậm chí có thể thấu hiểu không nhầm lẫn thông điệp này –được công bố lần đầu tiên cách đây một phần tư thế kỷ và được nhắc lại trong vô số các diễn đàn từ đó: Không có cơ sở khoa học hợp lý cho một nghiên cứu đánh giá rủi ro chuyên dụng được thiết đặt dành cho giống loài nhân tạo này. Làm việc này cũng giống như đánh giá rủi ro của tất cả các vật thể có cửa ra vào.

CƠ QUAN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (ENVIRONMENTAL PROTECTION AGENCY, EPA)

Tuy nhiên, bậc thầy trong việc lãng phí, gian lận và lạm dụng trong số các cơ quan tài trợ nghiên cứu, là Cơ quan Bảo vệ Môi trường, logo của cơ quan này đáng lẽ phải là Huy Chương Vàng với ký hiệu đồng đô la đặt ở hai bên. EPA, với một ngân sách nghiên cứu vượt quá 800 triệu đô la, từ lâu đã quan tâm nhiều đến quan hệ công chúng hơn sức khỏe cộng đồng. Có một kế hoạch đã được thực hiện vài năm qua có thể đã có sự làm chệch hướng các nguồn quỹ “nghiên cứu” của EPA để trả cho các chuyên gia tư vấn quan hệ công chúng bên ngoài lên đến 5 triệu đô la trong 5 năm để cải thiện trang web của Văn phòng Nghiên cứu và Phát triển, các nhóm tập trung tiến hành làm thế nào để đánh bóng hình ảnh của văn phòng, và sản xuất các bài báo bồi bút ca ngợi cơ quan “để công bố trên báo và các tạp chí khoa học”.

Các chương trình mờ ám có tính thông lệ lâu đời của cơ quan này là mua ảnh hưởng bằng cách chi nhỏ giọt hàng trăm triệu đô la mỗi năm cho một vài tổ chức phi lợi nhuận cụ thể được ưa chuộng - số tiền đó, theo tổng thanh tra và Văn phòng Trách nhiệm Giải trình Chính phủ, là được phân tán không có thông báo công khai, cạnh tranh, hoặc trách nhiệm giải trình. Các nhà điều tra ghi nhận hành động phi pháp có hệ thống bởi các nhà quản lý, bao gồm: (1) tài trợ cho những người không có khả năng đáp ứng các điều kiện tài trợ ; (2) ưu tiên một phe nhóm độc quyền được tài trợ mà không cần mở cuộc thi để lĩnh giải tài trợ; (3) tài trợ “môi trường” cho các hoạt động không có bất kỳ lợi ích môi trường rõ ràng; và (4) không đảm bảo rằng người được cấp tài trợ thực hiện các mục tiêu được xác định trong các khoản tài trợ .

Tôi đã thấy bằng chứng về điều này khi tôi là một quan chức của FDA. Vì một số lý do tôi được sự ủng hộ trong các báo cáo định kỳ về các nghiên cứu được tài trợ bởi EPA. Đại đa số đó là chất lượng kém, không thích hợp, và không thể phát hành.

XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHOA HỌC LÀ KHÔNG THỂ CÓ

Bởi vì tiền là có thể chuyển đổi mục đích sử dụng, các cơ quan liên bang đang, về mặt hiệu quả, tài trợ cho các nghiên cứu vô nghĩa về đặt tên em bé và liệu pháp thiên không có lợi cho xu hướng phát triển khoa học. Như Coburn nói trong phần giới thiệu nghiên cứu của ông về NSF: “Một đồng đô la bị mất do quản lý yếu kém, gian lận, không hiệu quả, hoặc một dự án không có tiếng vang là một đồng đô la đáng lẽ đã có thể thúc đẩy sự tiến bộ khoa học. Chỉ riêng báo cáo này đã ghi nhận ít nhất 65 triệu USD chi tiêu lãng phí vào các dự án không được ưu tiên, 19 triệu đô la mất do gian lận, 1,2 tỷ đô la mất cho các nghiên cứu trùng lặp, và 1,9 tỷ đô la mất do các hình thức quản lý yếu kém. Tổng cộng báo cáo này xác định hơn 3 tỷ đô la bị mất do lãng phí, gian lận, sao chép công trình nghiên cứu, và quản lý yếu kém”.

Các tổ chức thuộc NSF, NIH, USDA, và EPA đã cho thấy chính họ kém năng lực một cách có hệ thống trong việc phân biệt một cách sáng suốt khoa học chính phẩm và thứ phẩm. Một nhu cầu hiển nhiên là hành động của Quốc hội để tước bỏ quyền phân bổ các nguồn quỹ nghiên cứu của các tổ chức liên bang không xứng đáng này.

Tuy nhiên, điều này sẽ không xảy ra, trừ khi có áp lực lên Quốc hội để làm điều đó, mà có lẽ áp lực cần phải đến từ các biên tập viên của tạp chí nghiên cứu lớn, các tổ chức như Hiệp hội Vì Sự Tiến bộ Khoa học Hoa kỳ (tổ chức này, xin nhắc lại, được lãnh đạo bởi Alan Leshner), và các nhà khoa học chịu trách nhiệm về các nghiên cứu (đã được ưu tiên cho mình trước khi những người khác có cơ hội) bởi nguồn kinh phí của các dự án không xứng đáng. (Sau tất cả, tài trợ nghiên cứu là một trò chơi tổng bằng không). Nhưng lòng can đảm từ bất kỳ thành phần nào để công khai bầu không khí bí mật đôi chút bản thù của các tài trợ của chính phủ thì vẫn còn thiếu, và hiện chỉ có sự nhu nhược và im lặng một cách chính trị. Dĩ nhiên, ngoại trừ giải thưởng mới Con Ngỗng Vàng - mà, từ quan điểm của mình, tôi cho rằng giải thưởng này đã bị méo mó ý nghĩa, trông giống như một con gà tây hơn là ngỗng.

(Hết)

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC TRONG THẾ KỶ XXI

David Smith

ThS. Huỳnh Xuân Nhựt dịch (tiếp theo)

David Smith là một nhà giáo dục đang làm việc ở Úc. Hiện ông đang làm việc cho tổ chức giáo dục Phillips KPA. David có nhiều công trình nghiên cứu về giáo dục đại học.

Nguyên tắc 3: Xây dựng chương trình giáo dục dựa trên sự hiểu biết rộng và đầy đủ về trí thông minh

Mọi thứ không như là chúng đã từng.

(Tựa bài hát của Duke Ellington, 1942)

Gần bảy mươi năm qua, năm 2009, tựa bài hát của Duke Ellington có khả năng được vận dụng hữu hiệu vào các trí thông minh. Một trong những phát triển thú vị nhất trong giáo dục và tâm lý học là những cách thức mà ở đó trí thông minh được khám phá và được khái niệm lại: nó thú vị vì khả năng tiếp cận rộng không chỉ dành cho mỗi cá nhân mà cho cả tổ chức, trường học và cộng đồng, và thật sự dành cho cả xã hội rộng lớn hơn; cũng thú vị vì nó kết hợp rất tốt với bản chất của Thời đại Tri thức.

Trải qua nhiều năm, các giáo viên và phụ huynh có cảm nhận rằng cho dù một người trẻ tuổi không cần thiết là ‘thông minh’ theo nghĩa truyền thống, rằng một người khác trong tự có tài năng mà gần như chắc chắn sẽ có cuộc sống mà ở đó họ được phát huynh lực cá nhân, trong xã hội hoặc trong công việc, hoặc có lẽ ở cả ba. Và điều này chứng minh sự thực thường xuyên như

thế nào? Từ kinh nghiệm của bản thân tôi và từ vô số những ví dụ trong sách vở như của Ken Robinson, điều này thường là thật.

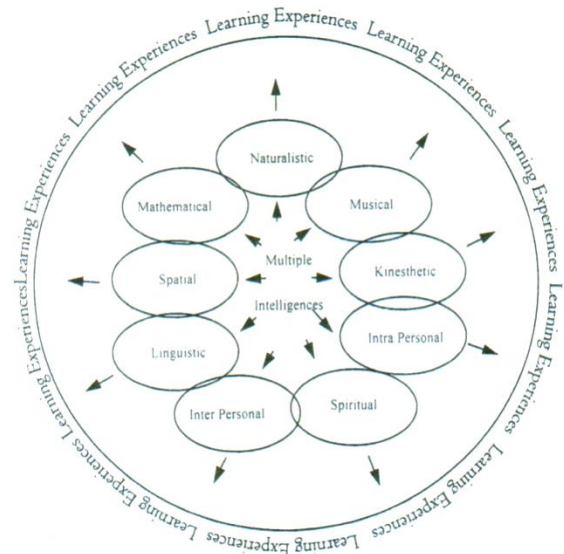
Chính thách thức đối với ý tưởng IQ như thể là hình thức thông minh duy nhất mở đường cho điều này được phát triển, theo cách có thể làm phong phú khả năng học tập không chỉ đối với giới trẻ, mà còn đối với tất cả thành viên của xã hội. Khi nghĩ về trí thông minh, chúng ta có xu hướng ám chỉ đến con người như Albert Einstein mà sự tinh thông về toán và logic học của ông là không thể tranh cãi được. Chúng ta cũng có khuynh hướng xem trí thông minh là bẩm sinh: chúng ta khi được sinh ra là đã có trí thông minh, và điều đó như thể tồn tại suốt trong cuộc đời của chúng ta.

Hơn nữa, chúng ta có xu hướng xem con người như Mozart, Picasso, hay Frank Lloyd Wright như là những người sáng tạo hoặc tài năng hơn là trí thông minh. Michelangelo và Rodin? Có lẽ kỹ năng và sáng tạo. Charles Dickens, John Steinbeck, Emily Bronte? Kỹ năng văn chương phát triển cao, nhưng hiếm khi phân loại như là ‘trí thông minh’. Jesus, Mohammed,

Gandhi, Martin Luther King? Họ thường được chỉ định như là những người có tâm hồn cao, hoặc như là những giáo viên và lãnh đạo có năng khiếu bẩm sinh, trước khi có khái niệm xác định những tài năng này là trí thông minh. Và bằng cách nào chúng ta phân loại Pelé hay Shane Warne, Roger Federer, hay Tiger Woods? Một lần nữa chúng ta có thể sử dụng nhiều từ, nhưng chúng ta hiếm khi dùng từ ‘trí thông minh’.

Chúng ta bây giờ đều biết đầy đủ về trí thông minh để suy nghĩ lại quan điểm theo lối truyền thống. Đầu năm 1966, Liam Hudson thách thức ý tưởng chỉ số IQ cao như là cách duy nhất để đánh giá trí thông minh của một người (Hudson 1966 & 1968). Nghiên cứu của ông xác định những người tư duy ‘hội tụ’ (toán học, khoa học, số học) và tư duy ‘phân kỳ’ (sáng tạo, tưởng tượng, hay chữ), và ông đề nghị rằng có bằng chứng ‘trí thông minh’ trong những người tư duy phân kỳ cũng như tư duy hội tụ (IQ). Hudson cũng khẳng định rằng nghiên cứu của ông đề xuất rằng cả hai có nhiều điểm chung, và rằng sự phân chia giữa toán/khoa học và nhân văn và nghệ thuật có lẽ, ở mức độ sâu hơn, là khá nhân tạo.

Năm 1983, Howard Gardner xuất bản *Cấu trúc của Trí tuệ* (giống như tựa đề quyển sách năm 1968 của Liam Hudson). Trong quyển sách này, Gardner đã đưa ra thuyết đa trí tuệ, mà sách này được cải biên và bổ sung qua nhiều năm từ năm 1983. Bây giờ nó đang sử dụng dành cho giáo dục: đối với dạy và học, và đánh giá. Thuyết của Gardner nổi tiếng, và khái niệm hóa mới nhất của nó trong giống như là điều này:



(trích nguồn từ Gardner 2006)

Mô hình trí thông minh này gói gọn khả năng của tất cả mọi người. Nó có nghĩa là một điều gì đó một lần trước kia có lẽ đã được phân loại như là kỹ năng, tài năng hay khả năng, thì bây giờ được thấy như là trí thông minh, và những người được đề cập tên ở trên đã phát triển trí thông minh cao ở ít nhất một trong chín loại này. Hơn nữa, điều này nói lên rằng những trí thông minh này có thể được nuôi dưỡng và phát triển hơn.

Điều này không làm giảm giá trị hay tầm quan trọng của loại trí thông minh toán học/logic: tuy nhiên, nó phải vượt xa hơn, mở rộng khái niệm trí thông minh của chúng ta, và thách thức khái niệm rằng trí thông minh là cố định và không thể thay đổi.

Khi tôi nhìn vào những năm dạy học của mình, và với vai trò là một hiệu trưởng, câu trả lời của tôi đối với khái niệm trí thông minh của Gardner là thật. Nó chính là những gì tôi nhìn thấy trong những lớp học tiểu học và trung học khi hướng dẫn những đội thể thao, trên những chuyến thám hiểm vùng

hoang dã. Tôi cũng nhìn thấy nó trong thế giới vượt ra khỏi giáo dục, trong gia đình của tôi và trong những người bạn và những người mà tôi có biết. Và tôi muốn đề xuất rằng nó có liên quan rất lớn với giảng dạy và học tập và đánh giá đối với những giáo viên và học sinh ngày nay.

Chương trình học trông như thế nào nếu thuyết đa trí tuệ được sử dụng như khung đại cương? (không phải như là ‘Kinh thánh’, hay ‘chén thánh’, nhưng như là khung). Đặc biệt, học sinh của chúng ta sẽ học tập theo cách nào, và chúng ta đánh giá những gì học sinh học theo cách nào? Có lẽ như thế này:

Sinh học cao cấp

Ba học sinh đang thực hiện một semina cho các bạn cùng lớp và giáo viên của lớp, sử dụng học sinh trẻ hơn từ lớp Khoa học năm lớp 10. Học sinh năm lớp 10 được cung cấp cho những chiếc áo lót trong kết lại với nhau bởi các sợi chỉ bằng dây thừng. Mỗi học sinh là một ‘phần’, phần trình bày, giải thích những phức tạp của công trình gen.

Mỗi em trong ba học sinh hướng dẫn một phần của bài thuyết trình, vốn kết luận lại bằng phần hỏi và trả lời. Kết quả không có gì nghi ngờ là các em học sinh hiểu rất sâu chủ đề phức tạp này.

Học sinh thực hiện một bài đánh giá chính quy. Giáo viên giải thích:

Đây là một phần đặc biệt khó của môn học, và học sinh học môn Sinh học cao cấp đương đầu với một số khái niệm phức tạp đòi hỏi các em phải suy nghĩ theo cách hoàn toàn trừu tượng.

Trong quá khứ, dạng thức thi truyền thống rất khó để đánh giá khả năng hiểu thực sự những khái niệm này, và thường là mang đến kết quả hoàn toàn thất vọng cho cả giáo viên và học sinh. Chương trình học mới và cách thức đánh giá mới cho phép kiểu đánh giá rộng hơn cho phép tôi có khả năng kết hợp nhiều trí thông minh ở mức độ đáng kể trong cả việc dạy học của tôi và thực tiễn đánh giá. Không còn phụ thuộc nhiều vào giấy viết và thuần ghi nhớ thông tin, bây giờ tôi tự do yêu cầu học sinh chứng minh khả năng hiểu biết của mình theo cách như xây dựng mô hình làm việc 3-D hoặc trình bày đa truyền thông. Theo cách này học sinh có thể phát huy thế mạnh phong cách học tập của riêng mình để chuyển tải những gì các em thật sự hiểu biết về những khái niệm hoàn toàn phức tạp. Điều này cho kết quả tỉ lệ thành công rất lớn đối với những chủ đề khó mà trong quá khứ, có tới khoảng 50% học sinh vật lộn để hiểu được những vấn đề khó đặc biệt trong thi cử. Kết quả cùng thắng trong ngôn ngữ của mọi người!

(Edmonds T. 2007)

Đó là một bản báo cáo thật từ một trường trung học ở Brisbane. Sáu tuần sau, với một kỳ nghỉ giữa kỳ, học sinh lặp lại nó như là một người khách nói chuyện tại buổi họp Bạn bè và Phụ huynh. Sau đó, một phụ huynh là bác sĩ nói: ‘Thật là thông minh. Học sinh không chỉ hiểu điều cần thiết đó, mà các em cũng có thể giao tiếp nó’. Tôi tự hỏi, học sinh có thể chuyển tải giỏi được đến đâu số lượng các em hiểu được nếu các em không được thúc giục thể hiện nó trong bối cảnh của một kỳ thi truyền thống sử dụng viết và giấy? Và các em có thể giữ lại được

nó sau sáu tuần? Và các em có thể giao tiếp nó trước toàn thể khán giả?

Nhìn vào chín trí thông minh của Gardner cho thấy những trí thông minh này sắp xếp dọc hai bên bán cầu não trái và bán cầu não phải, và trong đời của một học sinh ở trường, những trí thông minh này sắp xếp theo cả vừa thế giới môn học vừa thế giới cuộc sống. Thật là khó để đưa ra một trường hợp nào mạnh hơn đối với khái niệm trí thông minh theo cách này trong Thời đại Tri thức.

Xây dựng trên những khái niệm trí thông minh hướng nội và hướng ngoại, công trình của Daniel Goleman về trí thông minh cảm xúc thì quan trọng hơn nữa, và vì vậy nó rất quan trọng trong việc xây dựng chương trình học. Giống như Gardner, Goleman thách thức quan điểm trí thông minh toán tuyến tính truyền thống mà tập trung vào ý tưởng thông minh không thể thay đổi và cố định, mặc dù giống như Gardner ông thừa nhận rằng nó vẫn quan trọng (Goleman 1996, p.xi). Goleman viết trong công trình của ông:

Nghiên cứu đó là một phần của thử thách sớm đối với sự bí ẩn của IQ – quan niệm bao quát rộng nhưng sai vì dù cho thành công nào cũng chính là thông minh. Công trình này giúp tạo ra những thứ mà bây giờ trở thành một ngành công nghiệp nhỏ mà ngành này phân tích những năng lực thật làm cho con người thành công trong công việc và trong tổ chức ở mọi ngành nghề, và những phát hiện của nó thì hết sức ngạc nhiên: IQ đứng ở vị trí thứ hai sau trí thông minh cảm xúc trong việc xác định khả năng thể hiện nghề nghiệp nổi bật.

(Goleman 1998, tr.5)

Trong khi Goleman thừa nhận rằng để có thể đạt đến những chuẩn yêu cầu đầu vào của hầu hết các lĩnh vực, phương thức thông minh IQ toán học/logic là quan trọng trong việc này. Ông khẳng định rằng trí thông minh cảm xúc trở nên quan trọng hơn.

Dù cho các đề thi tuyển sinh vào các trường nhấn mạnh đến IQ bao nhiêu, thật ngạc nhiên là một mình IQ cho thấy con người có ít thành công trong công việc hoặc trong cuộc sống. Khi điểm kiểm tra IQ tương quan với người ta thể hiện trong nghề nghiệp giỏi đến mức nào, đánh giá cao nhất của IQ giải thích cho sự khác biệt là trong khoảng 25 phần trăm. Mặc dù phân tích thận trọng đưa ra một con số chính xác hơn có lẽ là không hơn 10 phần trăm, và có lẽ thấp khoảng 4 phần trăm.

(1998, tr.19)

Gần đây, Malcolm Gladwell (2009) có viết về hiện tượng này và đặt tên nó là ‘hiệu ứng bước đầu’. Và ông dường như thấu hiểu được tầm quan trọng của đánh giá trong tất cả điều này.

Nếu trí thông minh (IQ) có ý nghĩa chỉ đến một điểm, những thứ khác – những thứ mà không có gì để thực hiện với trí thông minh – phải bắt đầu có tính chất quan trọng hơn. Nó giống như môn bóng chày: một khi một ai đó đủ chiều cao, thì chúng ta bắt đầu quan tâm đến tốc độ và cảm giác sân và sự nhanh nhẹn và kỹ năng bắt bóng.

Vì vậy, một số trong những thứ khác đó có lẽ là gì? Giả sử rằng thay vì đo chỉ số IQ của bạn, tôi đưa ra cho bạn một loại kiểm tra hoàn toàn khác ...

(Gladwell 2009, tr.86; trong ngoặc đơn của tôi)

Goleman đặc biệt nhấn mạnh những kết nối giữa trí thông minh cảm xúc và khả năng lãnh đạo thành công:

... Trong hàng trăm nghiên cứu của các công ty, tôi thấy rõ ràng rằng tầm quan trọng của trí thông minh cảm xúc tăng, bạn sẽ tiến cao hơn trong tổ chức ... với một ngoại lệ, sự vượt trội về kỹ thuật và thông minh không có vai trò trong sự thành công trong lãnh đạo. Ở những cấp độ quản trị đỉnh cao, mọi người cần kỹ năng nhận thức, đến một mức độ nhất định, nhưng giới những kỹ năng này không làm nên một lãnh đạo giỏi.

Hơn nữa, khả năng cảm xúc tạo sự khác biệt quan trọng giữa những nhà lãnh đạo bình thường và những nhà lãnh đạo giỏi nhất. Những nhà lãnh đạo giỏi cho thấy sức mạnh lớn hơn đáng kể ở những khả năng cảm xúc, trong số chúng khả năng ảnh hưởng, lãnh đạo nhóm, nhận thức chính trị, tự tin, và sự vận động để đạt thành công. Trung bình, gần 90 phần trăm thành công của họ trong lãnh đạo là có thể quy cho trí thông minh cảm xúc.

(Goleman 1998, tr.33; nhấn mạnh của tác giả)

Công trình của Goleman bây giờ đã được thừa nhận quan trọng rộng rãi, và tầm quan trọng của nó vươn tới các trường học của chúng ta. Khung Năng lực Cảm xúc mà Goleman xây dựng như một khung trí thông minh cảm xúc gồm năm yếu tố được trình bày trong bảng bên dưới. Có ba yếu tố về

bản thân, và hai yếu tố liên quan đến cái khác.

Năng lực cá nhân

Những năng lực này xác định cách thức chúng ta quản lý bản thân.

Tự nhận thức

Tự điều chỉnh

Động cơ

Năng lực xã hội

Những năng lực này xác định cách thức chúng ta xử lý các mối quan hệ.

Sự thấu cảm

Các kỹ năng xã hội

(Goleman 1998)

Chỉ nhìn vào năm năng lực này, có lẽ chúng ta cho chúng ta câu trả lời rằng chúng ta cần thiết phải được giới thiệu vào cuộc sống của các trường học, vì chúng đã tồn tại ở đó. Thật vậy, vì các trường đều gặp những yếu tố này mỗi ngày, hầu hết giáo viên và lãnh đạo các trường chính quy cố gắng phát huy mạnh mẽ ở cả năm yếu tố này. Và ở trong cả thế giới cuộc sống và thế giới môn học của trường, học sinh liên tục tìm hiểu các yếu tố này, sử dụng chúng mỗi ngày. Sự thật là mặc dù ‘những năng lực trí thông minh cảm xúc’ đều có ở trường, nhưng không đủ. Tôi đang đề xuất rằng chúng ta cần được hoạch định một cách có chủ ý vào chương trình học của trường, đặc biệt trong thế giới cuộc sống, với nhiều cơ hội được tạo ra để giúp học sinh hiểu biết chúng thật tinh thông, phát huy những yếu tố này, và triển khai chúng trong học tập để học sinh lĩnh hội được

chúng khi các em rời khỏi nhà trường và hội nhập với thế giới người lớn. Đó thật sự là một trường hợp đặc biệt đối với lãnh đạo, nhưng sẽ sớm hơn thế nữa.

Trong trường hợp này, có một xu hướng đặt những năng lực này trong cái vỏ ‘quan tâm chia sẻ mờ nhạt và ám áp’, chúng ta hãy xa trường học một lúc để đến với một thế giới: Afghanistan. Bài báo đặc biệt trong Tạp chí Time ngày 20 tháng 7 năm 2009 có tựa đề ‘Bắt đầu lại’. Viết về ‘cuộc chiến tranh Afshan lần thứ hai’, Mark Thomson và Aryn Baker giải thích rằng mệnh lệnh quân đội ISAF (International Security Assistance Force) kết luận rằng cuộc chiến chống Taliban không thể được chiến thắng chỉ bằng phương tiện quân đội thông thường. Nó chỉ có thể chiến thắng nếu lực lượng ISAF am hiểu được sâu sắc Taliban nghĩ và làm như thế nào, và chiến thắng sự tự tin của người dân Afghan. Chỉ huy ISAF, Tướng Stanley McChrystal được trích lời nói:

Chúng ta sẽ không thắng dựa trên số lượng Taliban mà chúng ta tiêu diệt, nhưng thay vào đó, chúng ta sẽ thắng trên khả năng tách biệt những người nổi loạn với người dân.

Câu đó có nghĩa là cần đến ít nhất hai trong năm năng lực trí thông minh cảm xúc của Goleman: *sự thấu cảm và những kỹ năng xã hội*. Cụ thể, quân đội sẽ cần thấu cảm với và vì vậy thấu hiểu chân thành không những người dân Afghan bình thường đang xem điều gì đang xảy ra bằng cách nào, mà còn xem Taliban đang xem nó như thế nào.

Có một ý xa hơn ý này. Trong cùng một bài báo, Thompson và Baker viết:

.. sự nổi dậy của người Afghan vượt khỏi sự chấp vá của những động lực dựa trên bản phận của bộ lạc, trào lưu chính thống của Đạo hồi và những chiến lược của các tư lệnh háo hức giữ gìn những gì là của họ qua các thế hệ. ‘Tôi không chắc,’ McChrystal nói, ‘có hai người khác nhau ở ngoài đó có cùng lý do để chiến đấu.’ Ông ta phải gỡ rối cho các sợi chỉ khác nhau trong cuộn chỉ này và sau đó xác định hành động nào – phát triển kinh tế, chính phủ mạnh, cái chết – làm cho tốt nhất trong mỗi trường hợp. (Time 20/7/ 2009, tr.16)

Họ đang viết ở đây về ‘trí tuệ tổng hợp’ của Gardner. Các nhà chiến lược của ISAF đã nhận ra nhu cầu chiến đấu trong một bài tập luyện rằng ... *lấy thông tin từ những nguồn khác nhau, hiểu và đánh giá thông tin khách quan, và kết hợp chúng với nhau sao cho có ý nghĩa đối với người tổng hợp và cũng có ý nghĩa đối với người khác.* (Gardner 2008, tr.3)

Điều này thật phức tạp và mơ hồ, và nó cũng đòi hỏi hết sức to lớn cũng như có được lợi ích rất cao. Nó cần nhiều trí thông minh như những trí thông minh mà Gardner và Goleman đã xác định. Hơn nữa, khi các hoạt động của bán cầu não phải như sự thấu cảm và tổng hợp được xem là trung tâm chiến lược trong quân đội, chắc chắn rằng nó cũng chính là nguyên nhân làm cho các nhà giáo dục ngưng và suy nghĩ về cách thức chúng ta xem xét trí thông minh trong giáo dục, bao gồm đánh giá, vì nó chắc chắn không là những gì như đã từng.

Chúng ta chưa làm được gì với những hiểu biết về trí thông minh ở thế kỷ 21. Trong số những loại trí thông minh khác, Danah Zohar và Ian Marshall (2001) đã đưa ra một trường hợp cụ thể đối với khái niệm Trí thông minh Tâm hồn, cho rằng có một bằng chứng mạnh mẽ chỉ ra rằng tất cả con người đều có chiều sâu tâm hồn đối với cuộc sống của họ.

Không phải IQ mà cũng không phải EQ, tách ra hoặc kết hợp với nhau, đủ khả năng giải thích toàn bộ sự phức tạp của trí thông minh của con người và cũng không thể giải thích sự phong phú vô tận của tâm hồn và trí tưởng tượng của con người. Máy vi tính có IQ cao: chúng biết quy luật là gì và có thể đi theo quy luật mà không phạm sai lầm. Các con thú thường có EQ cao: chúng có khả năng phán đoán tình huống chúng đang trong đó và biết cách phản ứng thích hợp với tình huống đó. Nhưng cả máy vi tính và con vật đều không hỏi được tại sao chúng có những quy luật này hoặc tình huống này, hoặc liệu một trong hai có thể khác nhau hoặc tốt hơn. Chúng làm việc trong ranh giới, chơi 'một trò chơi hạn định'. SQ cho phép con người sáng tạo, thay đổi quy luật và thay đổi tình huống. Nó cho phép chúng ta nô đùa với những giới hạn, chơi 'một trò chơi không hạn định'. SQ cho chúng ta khả năng phân biệt. Nó cho chúng ta ý thức lương tâm, khả năng làm giảm những quy luật cứng nhắc bằng sự hiểu biết và lòng trắc ẩn và có đủ khả năng nhận ra khi nào lòng trắc ẩn và sự hiểu biết có giới hạn của nó. Chúng ta sử dụng SQ để đấu tranh với cái xấu và cái ác để hình dung, để mơ ước, để khát khao, để đưa chúng ta ra khỏi bùn nhơ.

(Zohar & Marshall, tr.5, sự nhấn mạnh của tác giả)

Những lời nói đó có tạo được tiếng vang? David Smith sẽ ngạc nhiên nếu bất kỳ nhà giáo dục nào trả lời không tích cực, điều này cho thấy sự không chắc chắn, mơ hồ và mâu thuẫn vốn đặc trưng cho thế giới luôn thay đổi nhanh chóng của chúng ta. Vì vậy, đối với tầm quan trọng của nó trong cuộc sống của con người, đặc biệt trong giới trẻ, điều quan trọng là chúng ta cần tìm hiểu xem bằng cách nào trí thông minh tâm hồn có thể kết hợp vào chương trình học trong thời đại của chúng ta.

Tác giả hy vọng càng ngày càng rõ hơn là thế giới của thế kỷ 21 không phải là thế giới của thế kỷ 20. Nó cũng là một phần, nhưng ông tin rằng Alvin và Heidi Toffler nói đúng ... những thay đổi đang cuốn thế giới không có tiền lệ lịch sử ... vì vậy không có giai đoạn nào khác trong lịch sử con người có thể kết hợp lịch sử hiện tại trong phạm vi, tốc độ, và sự phức tạp toàn cầu tuyệt đối của những thay đổi và thách thức chúng ta gặp phải (trong Robinson K. 2009, tr.19). Bây giờ là lúc tập trung vào 'trí thông minh' chúng ta cần để trang bị cho học sinh khi chúng đi vào thế kỷ 21, và trí thông minh có thể được nuôi dưỡng bằng cách nào trong nhà trường của chúng ta.

Tác giả muốn đề nghị rằng trường hợp thuyết phục dành cho chương trình giáo dục của một trường đối với thế kỷ 21 là khái niệm hóa trí thông minh đa chiều hơn khái niệm hóa theo lối một chiều, và cùng lúc nó cũng thuyết phục ở Úc khi các chính phủ dường như đang xem xét chuẩn hóa thi cử – với khả năng có giới hạn để kiểm tra tiềm năng của học sinh hoặc bao gồm nhiều khái

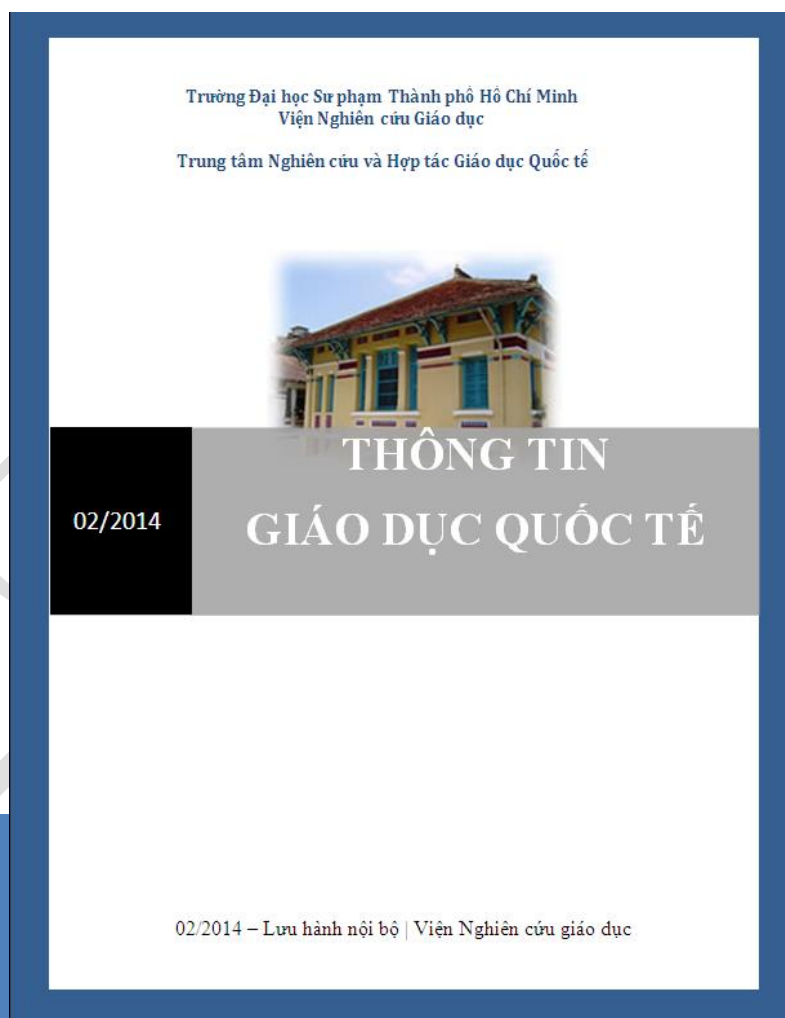
niệm trí thông minh – như cách đang tiến hành. Có bao nhiêu trí thông minh được nói ở trên có thể được kiểm tra trong kỳ thi tốt nghiệp, thi viết và thi ở ngoài trường có thời gian cố định? Và có bao nhiêu Richard Feynman họ sẽ nhận ra; hoặc không xác định được? Những gì đi vào các kỳ thi tốt nghiệp này chính là những gì sẽ đi vào lớp học, vì vậy điều này liên quan rất lớn trong bối cảnh chương trình giáo dục quốc gia đang phát triển. Điều quan trọng là các nhu cầu chính trị không lấn át những nguyên tắc giáo dục trong sở thích ‘nhất quán quốc gia’.

Những gì bây giờ chúng ta biết về sự phức tạp và bản chất phạm vi rộng của trí

thông minh, và sự liên quan có nó với thế giới của thế kỷ 21, nó không chỉ là câu trả lời, mà còn là vấn đề cần được xem xét lại. Tác giả tin rằng Ken Robinson đoán đúng để đưa ra đề nghị rằng vấn đề quan trọng nhất bây giờ – và nó áp dụng cho mỗi học sinh ở mỗi trường học – là không phải *Bạn thông minh được bao nhiêu?* mà là, *Bạn thông minh như thế nào?* Và đó chính là sự thay đổi căn bản mà chúng ta cần phải đưa vào đời sống trường học của chúng ta bây giờ.

(Còn tiếp)

Thông tin Giáo Dục Quốc Tế tháng 07 năm 2014



Thông tin Giáo dục Quốc tế rất mong nhận được sự cộng tác về bài viết, thông tin và nhận xét, góp ý của cán bộ, giảng viên, và sinh viên trong cũng như ngoài trường.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên lạc:

Địa chỉ: 280 An Dương Vương, Quận 5. Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08)38355100

Email: ciecer@ier.edu.vn